

Số: 1911 /QĐ-UBND

Ninh Phước, ngày 16 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc và nâng cấp, gia hạn, bảo trì phần mềm kế toán của các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn thuộc huyện năm 2021.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định phân cấp quản lý tài sản công của tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 1870/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND huyện về Ban hành danh mục tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị và địa phương thuộc huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 4276/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện về việc giao dự toán chi ngân sách cấp huyện năm 2021 cho các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách thuộc huyện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch tại Tờ trình số 66./TTr-PTCKH ngày 14 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc và nâng cấp, gia hạn, bảo trì phần mềm kế toán của các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn thuộc huyện năm 2021 từ nguồn vốn ngân sách huyện Ninh Phước năm 2021 với tổng số tiền dự toán 765.700.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng). Cụ thể như sau:

- Mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc: 669.700.000 đồng.

Marl

- Chi phí nâng cấp, bảo trì, gia hạn phần mềm Kế toán: 96.000.000 đồng.

(Kèm theo bảng tổng hợp chi tiết)

Điều 2. Giao Phòng Tài chính Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân huyện phân bổ kinh phí cho các đơn vị được phê duyệt mua sắm và theo dõi, hướng dẫn thực hiện việc mua sắm tài sản đúng theo quy định hiện hành.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn tổ chức mua sắm theo Kế hoạch được phê duyệt và thực hiện trình tự, thủ tục đúng theo quy định hiện hành của pháp luật về mua sắm tài sản, đấu thầu và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch huyện, Giám đốc kho bạc Nhà nước huyện Ninh Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận

- Như điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Lưu, VT.

CHỦ TỊCH



nguy

Bạch Văn Nguyên

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ NÂNG CẤP, GIA HẠN, BẢO TRÌ PHẦN MỀM KẾ TOÁN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NINH PHƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 1911 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện)

Đơn vị tính: VNĐ (đồng)

STT	Tên đơn vị	Tên Tài sản	Giá trị dự toán	Ghi chú
I	Khôi Đảng, hội đoàn thể		24.000.000	
1	Văn phòng Huyện ủy	Phần mềm kế toán	2.400.000	
2	Ban Chấp hành Hội Chữ Thập Đỏ	Phần mềm kế toán	3.600.000	
3	Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ	Phần mềm kế toán	3.600.000	
4	Ban Chấp hành Hội Nông dân	Phần mềm kế toán	3.600.000	
5	Huyện Đoàn huyện	Phần mềm kế toán	3.600.000	
6	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Phần mềm kế toán	3.600.000	
7	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	Phần mềm kế toán	3.600.000	
II	Khôi cơ quan QLNN		36.000.000	
8	Văn phòng HĐND và UBND	Phần mềm kế toán	3.600.000	
9	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Phần mềm kế toán	3.600.000	
10	Phòng Lao Động - Thương Binh và Xã Hội	Phần mềm kế toán	3.600.000	
11	Phòng Nội vụ huyện	Phần mềm kế toán	3.600.000	
12	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Phần mềm kế toán	3.600.000	
13	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Phần mềm kế toán	3.600.000	
14	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Phần mềm kế toán	3.600.000	
15	Phòng Tư pháp	Phần mềm kế toán	3.600.000	
16	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phần mềm kế toán	3.600.000	
17	Thanh tra huyện	Phần mềm kế toán	3.600.000	
III	Khôi đơn vị sự nghiệp		3.600.000	
18	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh	Phần mềm kế toán	3.600.000	

Muc

STT	Tên đơn vị	Tên Tài sản	Giá trị dự toán	Ghi chú
IV	UBND Xã thị trấn		32.400.000	
19	UBND thị trấn Phước Dân	Phần mềm kế toán	3.600.000	
20	UBND Xã An Hải	Phần mềm kế toán	3.600.000	
21	UBND Xã Phước Hải	Phần mềm kế toán	3.600.000	
22	UBND Xã Phước Hữu	Phần mềm kế toán	3.600.000	
23	UBND Xã Phước Sơn	Phần mềm kế toán	3.600.000	
24	UBND Xã Phước Thuận	Phần mềm kế toán	3.600.000	
25	UBND Xã Phước Vinh	Phần mềm kế toán	3.600.000	
26	UBND Phước Hậu	Phần mềm kế toán	3.600.000	
27	UBND Phước Thái	Phần mềm kế toán	3.600.000	
TỔNG CỘNG			96.000.000	

Bằng chữ: Chín mươi sáu triệu đồng

Wuu

BẢNG TỔNG HỢP MUA SẴM TÀI SẢN KHÔNG THUỘC DANH MỤC MUA SẴM TẬP TRUNG CỦA HUYỆN NINH PHƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 1911 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện)

STT	Tên đơn vị	Tên Tài sản	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Giá trị dự toán (đồng)
I	Khối Đảng, Đoàn thể				243.800.000
1	Văn phòng Huyện uỷ	Tủ đựng hồ sơ	4	5.000.000	20.000.000
		Bàn máy vi tính	2	2.000.000	4.000.000
		Bàn ghế salon	2	7.000.000	14.000.000
		Máy Scan (600 x 1200 dpi)	4	9.000.000	36.000.000
		Tủ sách thư viện	1	5.000.000	5.000.000
		Máy lạnh 2HP	4	15.000.000	60.000.000
		Bộ bàn ghế họp	1	7.000.000	7.000.000
2	Hội phụ nữ	Máy Scan (600 dpi)	1	5.000.000	5.000.000
		Bộ bàn ghế làm việc	1	5.000.000	5.000.000
3	Hội Đông y	Bàn máy vi tính	1	2.000.000	2.000.000
		Ghế gỗ	8	600.000	4.800.000
4	Hội Nông dân	Máy Scan (600 dpi)	1	5.000.000	5.000.000
		Tủ đựng hồ sơ	1	5.000.000	5.000.000
		Bàn gỗ phòng họp	1	5.000.000	5.000.000
		Ghế gỗ	10	600.000	6.000.000

STT	Tên đơn vị	Tên Tài sản	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Giá trị dự toán (đồng)
5	Huyện đoàn	Bộ máy chiếu và màn chiếu	1	30.000.000	30.000.000
		Tủ đựng hồ sơ	1	5.000.000	5.000.000
6	Hội Cựu chiến binh	Bộ bàn ghế làm việc	1	5.000.000	5.000.000
		Tủ đựng hồ sơ	1	5.000.000	5.000.000
		Máy Scan (600 dpi)	1	5.000.000	5.000.000
7	Hội Chữ thập đỏ	Tủ hồ sơ	1	5.000.000	5.000.000
		Bàn ghế làm việc	1	5.000.000	5.000.000
II	Khối cơ quan hành chính				190.300.000
1	Phòng Lao động TB và Xã hội	Tủ đựng hồ sơ	2	5.000.000	10.000.000
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Bộ bàn ghế tiếp khách	2	7.000.000	14.000.000
3	Phòng Tư pháp	Bộ bàn ghế họp	1	7.000.000	7.000.000
		Bộ bàn ghế tiếp khách	1	7.000.000	7.000.000
		Tủ đựng hồ sơ	1	5.000.000	5.000.000
4	Văn phòng HĐND và UBND	Máy Scan (600 x 1200 dpi)	1	9.000.000	9.000.000
		Tủ đựng hồ sơ	3	5.000.000	15.000.000
		Bàn máy vi tính	3	2.000.000	6.000.000
		Kệ hồ sơ	1	2.800.000	2.800.000
		Ghế ngồi làm việc	1	5.000.000	5.000.000
		Ghế ngồi làm việc	1	2.000.000	2.000.000
		Tivi 50 inch	2	15.000.000	30.000.000
		Bộ bàn ghế tiếp khách	2	7.000.000	14.000.000

STT	Tên đơn vị	Tên Tài sản	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Giá trị dự toán (đồng)
5	Phòng Tài chính Kế hoạch	Máy lạnh 2HP	1	17.000.000	17.000.000
		Máy Scan (600 x 1200 dpi)	1	9.000.000	9.000.000
6	Phòng Tài nguyên Môi trường	Bộ bàn ghế làm việc	1	5.000.000	5.000.000
		Tủ đựng hồ sơ	1	5.000.000	5.000.000
7	Phòng Nội vụ	Máy in giấy khen	1	27.500.000	27.500.000
III	UBND các xã, thị trấn				235.600.000
1	Xã Phước Hữu	Máy định vị GPS cầm tay 64S	1	9.000.000	9.000.000
		Tủ đựng hồ sơ	2	3.000.000	6.000.000
2	Xã Phước Vinh	Tủ đựng hồ sơ	2	3.000.000	6.000.000
		Máy định vị GPS cầm tay 64S	1	9.000.000	9.000.000
		Bộ bàn ghế làm việc	1	3.000.000	3.000.000
		Bộ bàn ghế tiếp khách	1	5.000.000	5.000.000
3	Xã An Hải	Bàn máy vi tính	3	1.000.000	3.000.000
		Máy định vị GPS cầm tay 64S	1	9.000.000	9.000.000
		Tủ đựng hồ sơ	2	3.000.000	6.000.000
		Bàn tiếp dân	3	3.000.000	9.000.000
4	Xã Phước Sơn	Máy định vị GPS cầm tay 64S	1	9.000.000	9.000.000
		Tủ đựng hồ sơ	4	3.000.000	12.000.000

STT	Tên đơn vị	Tên Tài sản	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Giá trị dự toán (đồng)
5	Xã Phước Thái	Bàn họp BCH	1	30.000.000	30.000.000
		Máy định vị GPS cầm tay 64S	1	9.000.000	9.000.000
		Bộ bàn ghế làm việc	2	3.000.000	6.000.000
		Tủ đựng hồ sơ	2	3.000.000	6.000.000
		Máy Scan (600 dpi)	1	5.000.000	5.000.000
6	Xã Phước Hậu	Bàn họp BCH	1	30.000.000	30.000.000
		Máy định vị GPS cầm tay 64S	1	9.000.000	9.000.000
		Ghế gỗ	24	1.150.000	27.600.000
7	Xã Phước Thuận	Máy định vị GPS cầm tay 64S	1	9.000.000	9.000.000
8	Thị trấn Phước Dân	Máy định vị GPS cầm tay 64S	1	9.000.000	9.000.000
9	Xã Phước Hải	Máy định vị GPS cầm tay 64S	1	9.000.000	9.000.000
	Tổng cộng				669.700.000

Bảng chữ: Sáu trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng.

Ưai

* **Lưu ý:** Văn phòng HĐND và UBND huyện thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị cho phòng làm việc của Phó Chủ tịch UBND huyện và Phó Ban Pháp chế HĐND huyện theo bảng trên sau khi Phó Chủ tịch UBND huyện và Phó Ban Pháp chế được bổ nhiệm, nhận nhiệm vụ và làm việc chính thức tại huyện.